

Bản án số: **25** /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-03-2023

V/v: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoài Đức Huệ

2. Ông Trần Minh Giám

Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 594/2022/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 163/2023/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Kim Thị M**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 08 năm 2022, bản tự khai ngày 22 tháng 12 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, chị Kim Thị M trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh T tự nguyện chung sống với nhau năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 17 tháng 10 năm 2009. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau tại xã L được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không cùng quan

điểm, không cùng tiếng nói, hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hiện nay chị M và anh T đã ly thân được một năm. Trong khoảng thời gian hai vợ chồng sống ly thân anh T có đến xin lỗi chị M, tuy nhiên không được bao lâu lại tiếp tục cãi vã, xung đột. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn được nữa. Nay chị M xác định tình cảm không còn nên chị M làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết để chị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau có 01 con chung là Nguyễn Kim Quỳnh A, sinh ngày 24/8/2010. Ly hôn, chị M yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung là Quỳnh A cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận công việc ở xa không thể đến tham gia phiên tòa nên chị M có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Theo bản tự khai ngày 22 tháng 12 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, anh Nguyễn Minh T trình bày như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 17/10/2009. Vợ chồng chung sống với nhau đôi lúc có cãi vã. Lần gần nhất chị M bỏ nhà ra đi cả hai cũng có cãi vã anh T không nhớ lý do nhưng có đến khuyên bảo, nói chuyện và xin lỗi chị M. Nay chị M nộp đơn yêu cầu Tòa án cho ly hôn, anh T không đồng ý và xác định vẫn còn tình cảm và mong muốn được đoàn tụ để hai vợ chồng chăm sóc con cái.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Kim Quỳnh A, sinh ngày 24/8/2010. Ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh Avì anh T có đủ điều kiện chăm sóc cho cháu Quỳnh A và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị M là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh T. Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Kim Quỳnh A, sinh ngày 24/8/2010, đề nghị Tòa án giải

quyết giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, tạm thời anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị M phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Kim Thị M có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Kim Thị M xin ly hôn với anh Nguyễn Minh T. Anh T hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Kim Thị M, bị đơn là anh Nguyễn Minh T.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 Về quan hệ hôn nhân:

Chị Kim Thị M và anh Nguyễn Minh T chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 17 tháng 10 năm 2009 nên căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân trên được xem là hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị M tại khởi kiện ngày 19 tháng 08 năm 2022, bản tự khai ngày 22 tháng 12 năm 2022 và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ nhận thấy: Chị M yêu cầu được ly hôn với anh T do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía anh T tuy không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, hơn nữa vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do đó thể hiện việc anh T chưa đủ thiện chí để vợ chồng hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa chị M và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

3.2. Về con chung: Chị M và anh T trong quá trình chung sống có 01 con chung là Nguyễn Kim Quỳnh A, sinh ngày 24/8/2010. Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn và tạm thời không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy rằng, cháu Quỳnh A đã chung sống cùng chị M từ trước đến nay được chị M nuôi dưỡng, chăm sóc, đảm bảo cho con

phát triển toàn diện về mọi mặt. Hơn nữa, cháu Quỳnh A cũng có nguyện vọng được sống cùng chị M. Do vậy, xét đề nghị của chị M là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

3.3. Về tài sản chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3.4. Nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu của chị Kim Thị M về việc: “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” với anh Nguyễn Minh T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Nguyễn Kim Quỳnh A, sinh ngày 24/8/2010 cho chị Kim Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Nợ chung: Không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Kim Thị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0008679 ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiến Nghĩa